



FINANCIAL STATEMENT COMPARABILITY: A SYSTEMATIC REVIEW OF LITERATURE AND AN AGENDA FOR FUTURE RESEARCH

Chu Thi Thuong^{1*}, Nguyen Xuan Hung², Trinh Hiep Thien²

¹University of Finance - Marketing, Vietnam

²University of Economics Ho Chi Minh City, Vietnam

ARTICLE INFO	ABSTRACT
DOI: 10.52932/jfmr.v17i3.994 <i>Received:</i> June 18, 2025 <i>Accepted:</i> October 15, 2025 <i>Published:</i> June 25, 2026 Keywords: Financial statement comparability, FSC, IFRS, Systematic review. JEL codes: M10, M41, M48, L25	Financial statement comparability (FSC) is a fundamental qualitative characteristic of accounting information that enhances transparency and supports more effective economic decision-making. This study conducts a systematic review of academic literature to provide a comprehensive analysis of various aspects of FSC, including the role of IFRS, the impact of auditing, the determinants of FSC, and the reciprocal effects of FSC on financial and economic outcomes. The findings indicate that FSC is influenced by multiple factors, such as the adoption of IFRS (mandatory or voluntary), audit quality, institutional characteristics, ownership structure, and the level of corporate transparency. At the same time, FSC plays a crucial role in reducing audit costs, improving investment efficiency, enhancing firm valuation, and strengthening the quality of accounting information. Overall, the study offers a more comprehensive perspective on the comparability of financial statements. In addition, it makes a novel contribution by systematically synthesizing prior research, identifying current gaps, and proposing future research directions, thereby providing valuable implications for policymakers and business practitioners.

*Corresponding author:

Email: chuthuong@ufm.edu.vn



KHẢ NĂNG SO SÁNH CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH: MỘT ĐÁNH GIÁ TÀI LIỆU CÓ HỆ THỐNG VÀ HƯỚNG NGHIÊN CỨU TƯƠNG LAI

Chu Thị Thương^{1*}, Nguyễn Xuân Hưng², Trịnh Hiệp Thiện²

¹Trường Đại học Tài chính - Marketing

²Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
DOI: 10.52932/jfmr.v17i3.994	Khả năng so sánh của báo cáo tài chính (FSC) là một đặc tính chất lượng nền tảng của thông tin kế toán, góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả ra quyết định kinh tế. Nghiên cứu này thực hiện một tổng quan hệ thống các tài liệu học thuật nhằm phân tích toàn diện các khía cạnh xoay quanh FSC, bao gồm vai trò của IFRS, ảnh hưởng của kiểm toán, các nhân tố tác động đến FSC, và tác động ngược lại của FSC đến các kết quả tài chính và kinh tế. Kết quả cho thấy, FSC chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như việc áp dụng IFRS (bắt buộc hoặc tự nguyện), chất lượng kiểm toán, đặc điểm thể chế, cấu trúc sở hữu và mức độ minh bạch của doanh nghiệp. Đồng thời, FSC đóng vai trò quan trọng trong việc giảm chi phí kiểm toán, nâng cao hiệu quả đầu tư, cải thiện định giá doanh nghiệp và chất lượng thông tin kế toán. Kết quả của nghiên cứu mang đến một cái nhìn toàn diện hơn về khả năng so sánh của báo cáo tài chính. Ngoài ra, nghiên cứu còn đóng góp mới bằng việc hệ thống hóa toàn diện các nghiên cứu trước, xác định khoảng trống hiện tại và gợi mở hướng đi trong tương lai, qua đó cung cấp cơ sở tham khảo hữu ích cho các nhà hoạch định chính sách và doanh nghiệp trong thực tiễn.
Ngày nhận bài: 18/06/2025	
Ngày chấp nhận: 15/10/2025	
Ngày đăng: 25/06/2026	
Từ khóa: FSC, IFRS, Khả năng so sánh của báo cáo tài chính, Tổng quan hệ thống.	
Mã JEL: M10, M41, M48, L25	

1. Giới thiệu

Khả năng so sánh của báo cáo tài chính là một khái niệm quan trọng trong kế toán và tài chính, đề cập đến mức độ mà các báo cáo tài chính của các công ty khác nhau có thể được so sánh với nhau một cách hợp lý và có ý nghĩa.

Theo Majeed và Yan (2022), khả năng so sánh của báo cáo tài chính (BCTC) có thể được hiểu là “mức độ đồng nhất trong việc báo cáo các thông tin tài chính giữa các công ty hoặc ngành nghề khác nhau, dựa trên việc áp dụng các chuẩn mực kế toán thống nhất và các quy tắc báo cáo tài chính”. Khả năng so sánh của BCTC giúp các nhà đầu tư và các bên liên quan có thể đưa ra các quyết định tài chính chính xác hơn, đồng thời nâng cao tính minh bạch và ổn định của các thị trường tài chính toàn cầu.

*Tác giả liên hệ:

Email: chuthuong@ufm.edu.vn

Khả năng so sánh của BCTC có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều bên liên quan. Đối với các nhà đầu tư, FSC giúp cải thiện hiệu quả trong việc phân bổ nguồn lực và giảm chi phí thông tin. Khi BCTC giữa các công ty có thể so sánh được, nhà đầu tư có thể dễ dàng đưa ra quyết định đầu tư dựa trên các chỉ số tài chính đã được chuẩn hóa, từ đó giảm thiểu rủi ro và tối ưu hóa lợi nhuận (Haller & Schloßgangl, 2005). Hơn nữa, các công ty áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế, như IFRS, thường dễ dàng huy động vốn từ các nguồn quốc tế, do các nhà đầu tư có thể tin tưởng vào tính minh bạch và khả năng so sánh của báo cáo tài chính (Brochet và cộng sự, 2013; Ding và cộng sự, 2022). Đối với các cơ quan quản lý, khả năng so sánh của BCTC là một công cụ quan trọng trong việc giám sát và điều chỉnh hoạt động của các công ty, đảm bảo rằng các công ty báo cáo tài chính đúng đắn và tuân thủ các quy định của pháp luật. Điều này giúp tạo ra một môi trường kinh doanh minh bạch và công bằng hơn, từ đó thu hút đầu tư và cải thiện sự ổn định của nền kinh tế (Kim, 2023). Ngoài ra, khả năng so sánh cũng mang lại lợi ích cho các công ty trong việc cải thiện chất lượng báo cáo tài chính và nâng cao uy tín của họ trên thị trường. Việc áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế hoặc các chuẩn mực đồng nhất giúp các công ty thể hiện sự minh bạch trong hoạt động tài chính và nâng cao sự tin tưởng của các nhà đầu tư (Majeed & Yan, 2022). Các công ty cũng có thể sử dụng khả năng so sánh để đánh giá và cải thiện chiến lược tài chính của mình so với các đối thủ cạnh tranh.

Tuy nhiên, bất chấp những lợi ích rõ ràng, vẫn còn nhiều thách thức trong việc nâng cao khả năng so sánh của BCTC, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng khả năng so sánh của BCTC có thể bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm sự đa dạng của các nhóm quản lý (Majeed & Yan, 2022), cũng như các yếu tố ngoại vi như thông tin về thuế (Hong và cộng sự, 2023) và cạnh tranh trong ngành (Majeed và cộng sự, 2018). Các yếu tố như sự khác biệt trong việc áp dụng IFRS, đặc điểm của ban lãnh đạo, đặc điểm ngành và các yếu tố kinh tế vĩ mô có thể ảnh hưởng mạnh mẽ đến khả năng so sánh của

BCTC (De Franco và cộng sự, 2023; Ding và cộng sự, 2022). Đặc biệt, các yếu tố như cấu trúc sở hữu, chiến lược thuế, và sự đa dạng trong đội ngũ lãnh đạo đã được nghiên cứu như những yếu tố quan trọng tác động đến khả năng so sánh (Wang và cộng sự, 2023; Zhang & Wang, 2023). Bên cạnh đó, các nghiên cứu gần đây còn nhấn mạnh ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa và xã hội đến cách thức tổ chức hệ thống kế toán, qua đó có thể tác động đến khả năng so sánh của thông tin tài chính (Kim, 2023).

Với vai trò và tầm quan trọng của mình, đã có rất nhiều các nghiên cứu được thực hiện về khả năng so sánh của BCTC, tuy nhiên, các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào các khía cạnh riêng biệt, chưa có một tổng quan toàn diện để hệ thống lại các phát hiện và xu hướng trong lĩnh vực này. Vì vậy, một bài nghiên cứu tổng quan là cần thiết để tổng hợp các kết quả từ nhiều nghiên cứu khác nhau, từ đó cung cấp một cái nhìn toàn diện về các yếu tố tác động đến khả năng so sánh BCTC và các lợi ích mà nó mang lại. Mục tiêu của bài nghiên cứu này là thực hiện một bài nghiên cứu hệ thống để tổng hợp và phân tích các nghiên cứu hiện nay về khả năng so sánh của BCTC. Bài nghiên cứu này mang lại đóng góp bằng cách tổng hợp các đánh giá về những yếu tố tác động đến khả năng so sánh, lợi ích mà khả năng so sánh BCTC mang lại, từ đó cung cấp những hiểu biết sâu sắc về tầm quan trọng của khả năng so sánh BCTC trong bối cảnh tài chính toàn cầu. Đồng thời, nghiên cứu này có thể mang đến một cái nhìn toàn diện hơn về khả năng so sánh của BCTC.

2. Phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu của bài nghiên cứu là để tổng hợp và phân tích các nghiên cứu hiện nay về khả năng so sánh của BCTC, thông qua đó có thể trả lời cho câu hỏi là đã có các nghiên cứu nào thực hiện về FSC. Để đạt được các mục tiêu đề ra thì tác giả sử dụng phương pháp tổng quan tài liệu có hệ thống dựa trên Borges và cộng sự (2021). Đánh giá tài liệu có hệ thống là đánh giá có kế hoạch về tài liệu được thiết kế, nhằm giải

quyết các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Phương pháp này phù hợp với mục tiêu của nghiên cứu là sử dụng một phương pháp vừa mang tính hệ thống vừa rõ ràng, bao gồm các quy trình để xác định, lựa chọn và đánh giá nghiêm túc các kết quả của các nghiên cứu được đưa vào tổng quan tài liệu. Chiến lược này cũng hỗ trợ trong việc hiểu được chiều rộng và chiều sâu của nội dung công việc hiện có và xác định những khoảng trống cần khám phá.

Theo Borges và cộng sự (2021), các tiêu chí lựa chọn sau đây đã được tạo ra để kiểm tra các câu hỏi nghiên cứu: (i) các bài báo trên tạp chí và hội nghị liên quan đến khả năng so sánh của báo cáo tài chính bao gồm các thuật ngữ trong tiêu đề, tóm tắt hoặc từ khóa; (ii) tạp chí và tài liệu hội nghị được viết bằng tiếng Anh. Ngoài ra, tiêu chí loại trừ sau đây được sử dụng để xác định chất lượng của nghiên cứu: (i) các ấn phẩm có từ ngữ chỉ được đề cập trong phần tóm tắt để làm nền tảng cho nghiên cứu; (ii) các bài nghiên cứu tổng quan lý thuyết.

Việc tìm kiếm được thực hiện trên hai cơ sở dữ liệu Scopus và Web of Science tính đến ngày 31 tháng 03 năm 2025. Tiêu đề, tóm tắt, hoặc từ khóa phải chứa các từ tìm kiếm đã chọn. Các thuật ngữ tìm kiếm tài liệu bao gồm: “financial statement comparability” hoặc “comparability of financial statements” hoặc “comparability in financial reporting” hoặc “accounting comparability” hoặc “financial reporting comparability” hoặc “accounting information comparability”.

Phụ lục 1 (xem Phụ lục 1 online) dựa trên biểu đồ PRISMA (Page và cộng sự, 2021) cho thấy cách thức thu thập dữ liệu. Việc tìm kiếm trên Scopus cho ra tổng cộng 442 tài liệu. Tìm kiếm trên Web of Science thu được 259 tài liệu. Sau khi loại bỏ trùng lặp còn lại 496 tài liệu được đưa vào bước tiếp theo của quy trình tổng quan. Tiếp theo, tác giả đọc tất cả các tóm tắt để xác định liệu tài liệu đó có liên quan đến các câu hỏi nghiên cứu hay không. Tổng cộng 223 bài báo đã bị loại bỏ trong bước này vì các tài liệu nằm ngoài phạm vi nghiên cứu. Sau khi loại bỏ 10 tài liệu không thể truy xuất, cuối cùng còn lại 263

bài nghiên cứu phù hợp. Sau đó, tiếp tục đọc toàn bộ nội dung bài báo, kết quả loại trừ 62 bài với nội dung không phù hợp (không nghiên cứu trực tiếp về FSC hay chỉ là các nghiên cứu mang tính thảo luận lý thuyết) và cuối cùng còn lại 201 bài đủ điều kiện để được đưa vào đánh giá tài liệu.

3. Kết quả và thảo luận

Kết quả của nghiên cứu hệ thống được chia thành 4 phần. Phần đầu cho thấy xu hướng nghiên cứu về chủ đề FSC theo thời gian, phần hai tập trung vào các tạp chí đã xuất bản liên quan đến FSC, phần 3 đi vào thực trạng các nghiên cứu về FSC và cuối cùng, thảo luận về khoảng trống nghiên cứu.

3.1. Xu hướng nghiên cứu về khả năng so sánh của báo cáo tài chính qua các năm

Số lượng nghiên cứu về FSC từ năm 2005 đến 2025 (xem Phụ lục 2 online) cho thấy xu hướng tăng mạnh mẽ. Giai đoạn 2005-2009, số công bố còn rất hạn chế do IFRS và các chuẩn mực quốc tế chưa được áp dụng rộng rãi; từ 2010-2013, quá trình hội nhập kế toán toàn cầu dần tăng tốc kéo theo mối quan tâm nhiều hơn đến việc đánh giá mức độ so sánh giữa các BCTC. Mặc dù có biến động nhẹ vào năm 2014-2015, xu hướng tăng trở lại rõ rệt từ 2016, đặc biệt bùng nổ sau 2018, phản ánh nhu cầu cấp thiết của thị trường tài chính quốc tế về thông tin minh bạch, nhất quán. Đến năm 2024, số lượng nghiên cứu đạt mức kỷ lục, cho thấy mức độ chú trọng ngày càng lớn của giới học thuật lẫn thực hành kế toán-kiểm toán đối với vấn đề hài hòa chuẩn mực và nâng cao chất lượng thông tin báo cáo. Nhìn chung, xu thế dịch chuyển này cho thấy nỗ lực không ngừng của các quốc gia và tổ chức quốc tế nhằm tăng cường khả năng so sánh của BCTC, góp phần thúc đẩy minh bạch tài chính, thu hút đầu tư và ổn định kinh tế.

3.2. Tạp chí xuất bản

Kết quả tìm kiếm trên Scopus và Web of Science cho thấy có tới 98 tạp chí đã đăng các bài

liên quan đến FSC. Kết quả ở Hình 3 thể hiện các tạp chí đăng từ 3 bài trở lên về chủ đề FSC.

Phụ lục 3 (xem Phụ lục 3 online) cho thấy số lượng bài viết liên quan đến khả năng so sánh của Báo cáo tài chính được xuất bản trong các tạp chí chuyên ngành khác nhau. Từ biểu đồ, ta có thể thấy rõ ràng sự phân bố không đều về số lượng bài viết giữa các tạp chí. Các tạp chí lớn như *Accounting and Finance* và *Contemporary Accounting Research* có số lượng bài viết cao nhất, lần lượt là 7 và 11 bài cho thấy, đây là những tạp chí hàng đầu trong việc xuất bản các nghiên cứu liên quan đến khả năng so sánh của BCTC. Các tạp chí này có thể được coi là những nguồn tài liệu quan trọng cho các nghiên cứu về vấn đề này. Ngoài ra, một số tạp chí khác, chẳng hạn như *Journal of Accounting and Economics*, *Advances in Accounting*, và *Accounting Horizons*, cũng có số lượng bài viết đáng chú ý (5-6 bài), cho thấy mức độ quan tâm ổn định đến chủ đề này trong các nghiên cứu kế toán và tài chính. Tuy nhiên, nhiều tạp chí khác, như *Journal of Financial Reporting and Accounting*, *European Accounting Review*, và *British Accounting Review*, chỉ xuất bản 3 bài viết, cho thấy sự quan tâm và nghiên cứu về FSC trong các tạp chí này hạn chế hơn.

Phân tích này cũng cho thấy rằng, các tạp chí chuyên sâu vào các lĩnh vực tài chính và kế toán, đặc biệt là những tạp chí có ảnh hưởng lớn như *Accounting and Finance*, đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy các nghiên cứu về khả năng so sánh của BCTC. Điều này có thể phản ánh sự quan trọng của việc hiểu rõ FSC trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của các chuẩn mực kế toán quốc tế.

3.3. Thực trạng nghiên cứu về khả năng so sánh của báo cáo tài chính

Phần thực trạng sẽ được trình bày thành 4 nội dung chính. Nội dung thứ nhất đề cập đến các nghiên cứu liên quan giữa IFRS và FSC. Nội dung thứ hai tập trung vào các nghiên cứu liên quan giữa FSC và kiểm toán. Nội dung thứ ba đi vào phân tích các yếu tố khác ảnh

hưởng đến FSC và cuối cùng, nội dung thứ 4 tập trung vào tác động của FSC đối với doanh nghiệp và thị trường.

IFRS và khả năng so sánh của báo cáo tài chính

Một chủ đề trung tâm trong nghiên cứu về khả năng so sánh của báo cáo tài chính là việc áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS). IFRS được kỳ vọng sẽ thúc đẩy tính đồng nhất và minh bạch trong báo cáo tài chính, từ đó nâng cao khả năng so sánh giữa các công ty và giữa các quốc gia. Nhiều nghiên cứu đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm khẳng định vai trò tích cực của IFRS đối với FSC (Barth và cộng sự, 2012; Brochet và cộng sự, 2013; Horton và cộng sự, 2013; Neel, 2017).

Tác động của áp dụng IFRS bắt buộc đã được ghi nhận là làm tăng tính so sánh trong môi trường quốc tế. Ví dụ, nghiên cứu của Brochet và cộng sự (2013), DeFond và cộng sự (2011) cho thấy rằng, việc bắt buộc áp dụng IFRS làm tăng đáng kể khả năng so sánh thông tin giữa các doanh nghiệp. De Luca và cộng sự (2024) mở rộng phân tích này trong bối cảnh các công ty niêm yết xuyên quốc gia cho thấy, IFRS giúp thu hẹp khoảng cách khác biệt về thông tin tài chính giữa các thị trường. Trong khi đó, các nghiên cứu tại khu vực Bắc Âu (Caban-Garcia & He, 2013) và châu Á (Jung và cộng sự, 2020; Ross và cộng sự, 2020) cũng chứng minh rằng, áp dụng IFRS bắt buộc giúp cải thiện FSC, đặc biệt khi đi kèm các yếu tố như tái cấu trúc thị trường chứng khoán hoặc môi trường thông tin hỗ trợ.

Áp dụng IFRS tự nguyện cũng là một hướng nghiên cứu quan trọng. Chung và Park (2017) cung cấp bằng chứng tại Hàn Quốc cho thấy, các doanh nghiệp chưa niêm yết áp dụng IFRS tự nguyện cũng đạt được mức độ so sánh cao hơn trong ngành. Điều này cho thấy, việc áp dụng IFRS, dù tự nguyện hay bắt buộc, đều có thể đem lại lợi ích nếu được thực hiện nghiêm túc và trong môi trường thể chế phù hợp. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cũng lưu ý rằng, tác động của IFRS không phải lúc nào cũng đồng

nhất và phụ thuộc vào bối cảnh địa phương (Felski, 2017; Kang, 2012; Park, 2019). Ví dụ, Felski (2017) cho rằng, việc điều chỉnh IFRS theo bối cảnh địa phương có thể làm suy giảm khả năng so sánh xuyên quốc gia. Tương tự, Kang (2012) trong nghiên cứu so sánh Pháp và Đức cho thấy, mặc dù cùng áp dụng IFRS, nhưng sự khác biệt thể chế dẫn đến mức độ FSC khác nhau.

Ngoài ra, nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, FSC chỉ cải thiện khi IFRS được thực thi đầy đủ và có cơ chế giám sát hiệu quả (Cascino & Gassen, 2015; Horton và cộng sự, 2013). Những yếu tố như quyền sở hữu nước ngoài (Mita và cộng sự, 2018), độ minh bạch thị trường (Ross và cộng sự, 2020), và thiết kế kế toán ban đầu (Haller & Schloßgangl, 2005) đều đóng vai trò điều tiết mối quan hệ giữa IFRS và FSC.

Nhìn chung, đa số nghiên cứu cung cấp bằng chứng ủng hộ vai trò tích cực của IFRS trong việc nâng cao khả năng so sánh BCTC (Brochet và cộng sự, 2013; DeFond và cộng sự, 2011). Tuy nhiên, vẫn tồn tại những kết quả không đồng nhất. Một số nghiên cứu cho rằng tác động của IFRS phụ thuộc đáng kể vào đặc thù thể chế và bối cảnh quốc gia, dẫn đến mức độ cải thiện FSC không giống nhau (Felski, 2017; Kang, 2012). Điều này cho thấy, việc áp dụng IFRS không phải lúc nào cũng đảm bảo khả năng so sánh xuyên quốc gia, mà hiệu quả còn phụ thuộc vào cơ chế giám sát, mức độ minh bạch thị trường và khả năng thực thi chuẩn mực tại từng nước. Sự khác biệt này gợi mở rằng các nghiên cứu tương lai nên đi sâu vào phân tích tác động của IFRS trong từng bối cảnh cụ thể, thay vì giả định một hiệu ứng đồng nhất trên toàn cầu.

Tổng thể, các bằng chứng lý luận và thực nghiệm đều cho thấy IFRS có tiềm năng lớn trong việc nâng cao khả năng so sánh của báo cáo tài chính, nhưng hiệu quả này bị điều chỉnh bởi nhiều yếu tố thể chế, quy định, và thực hành kế toán địa phương. Do đó, cần xem xét các yếu tố ngữ cảnh trong việc đánh giá hiệu quả của IFRS đối với FSC.

Kiểm toán và khả năng so sánh của báo cáo tài chính

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu và sự gia tăng của yêu cầu minh bạch thông tin tài chính, các nghiên cứu về khả năng so sánh của báo cáo tài chính đã chỉ ra vai trò then chốt của kiểm toán viên trong việc nâng cao mức độ nhất quán của thông tin được công bố. Các nghiên cứu đầu tiên đã tập trung vào phong cách cá nhân của kiểm toán viên và ảnh hưởng của nó đến FSC. Ví dụ, Francis và cộng sự (2014) cho thấy rằng, phong cách kiểm toán cá nhân không chỉ tác động đến việc ghi nhận và xử lý các khoản mục báo cáo tài chính mà còn định hình mức độ so sánh của các số liệu tài chính giữa các doanh nghiệp. Nghiên cứu của Jiu và cộng sự (2020) cũng khẳng định rằng, khi cùng một kiểm toán viên phục vụ cho các đối tượng so sánh, sự đồng nhất về phong cách kiểm toán góp phần làm tăng tính so sánh của báo cáo tài chính.

Song song với đó, các tác giả khác đã mở rộng góc độ nghiên cứu bằng cách xem xét ảnh hưởng của sự thay đổi kiểm toán viên hay hiện tượng kiểm toán viên chung giữa các công ty. Chi và cộng sự (2024), Ye và cộng sự (2016) đã phát hiện rằng, sự thay đổi hoặc sáp nhập trong các công ty kiểm toán không chỉ tạo ra những bất đồng về phương pháp đánh giá mà còn làm giảm khả năng so sánh do mất đi tính liên tục trong việc áp dụng các tiêu chuẩn kiểm toán. Những nghiên cứu này nhấn mạnh tính phức hợp của mối quan hệ giữa các yếu tố cá nhân, tổ chức và bối cảnh thị trường đối với FSC.

Một khía cạnh quan trọng khác được đề cập rộng rãi là mối liên hệ giữa nỗ lực kiểm toán, chất lượng kiểm toán và chi phí dịch vụ kiểm toán. Nghiên cứu của Ege và cộng sự (2021) và Zhang (2018) tập trung vào mức độ nỗ lực của kiểm toán viên nhằm đảm bảo chất lượng báo cáo, từ đó gián tiếp ảnh hưởng đến mức độ so sánh giữa các doanh nghiệp. Tiếp nối nghiên cứu này, Sun và cộng sự (2022) đã đưa ra bằng chứng thực nghiệm rõ ràng về mối quan hệ giữa FSC và mức phí kiểm toán. Theo họ, khả năng so sánh được cải thiện không những giúp

nâng cao uy tín của báo cáo tài chính mà còn góp phần định hình mức giá dịch vụ kiểm toán, phản ánh sự minh bạch và nhất quán trong môi trường báo cáo tài chính toàn cầu.

Các nghiên cứu theo khu vực cũng cho thấy những đặc điểm riêng biệt. Tại Trung Quốc, các tác giả như Cao và cộng sự (2016) cùng Shi và cộng sự (2021) nhấn mạnh rằng, sự biến động trong cấu trúc của các công ty kiểm toán và các thay đổi do sáp nhập đã có tác động nhất định đến FSC của các doanh nghiệp niêm yết. Trong khi đó, các nghiên cứu tại Hàn Quốc và Nam Phi (Kang và cộng sự, 2015; Kim & Park, 2024; Smith, 2022) cho thấy, ở những thị trường phát triển, việc duy trì tính độc lập và sự nhất quán trong phong cách kiểm toán là yếu tố quan trọng góp phần cải thiện tính so sánh của báo cáo tài chính.

Các nghiên cứu về vai trò của kiểm toán trong việc nâng cao FSC đều thống nhất rằng, chất lượng và sự nhất quán của kiểm toán viên có ảnh hưởng đáng kể đến tính so sánh (Francis và cộng sự, 2014; Jiu và cộng sự, 2020). Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng lại khác nhau giữa các thị trường. Trong khi nghiên cứu tại Trung Quốc nhấn mạnh tác động tiêu cực từ sự thay đổi kiểm toán viên hoặc sáp nhập công ty kiểm toán (Cao và cộng sự, 2016; Shi và cộng sự, 2021), thì tại các thị trường phát triển, yếu tố độc lập và phong cách kiểm toán lại được coi trọng hơn (Kim & Park, 2024; Smith, 2022). Sự khác biệt này cho thấy, bối cảnh thể chế và mức độ phát triển của thị trường vốn có thể quyết định vai trò của kiểm toán đối với FSC, và đây cũng là điểm cần nghiên cứu thêm theo hướng so sánh quốc tế.

Nhìn chung, các bằng chứng từ nhiều nghiên cứu đã cho thấy rằng, kiểm toán không chỉ đóng vai trò kiểm soát thông tin mà còn là yếu tố trung gian quyết định đến tính minh bạch và so sánh của báo cáo tài chính. Những yếu tố như phong cách cá nhân, sự thay đổi kiểm toán viên, nỗ lực kiểm toán và thậm chí cả mức phí kiểm toán là những biến số then chốt mà các nghiên cứu gần đây đã nhấn mạnh. Những

phát hiện này không chỉ mở rộng hiểu biết về vai trò của kiểm toán đối với FSC mà còn cung cấp cơ sở để đưa ra những khuyến nghị nhằm cải thiện quy trình kiểm toán và nâng cao chất lượng thông tin tài chính trong môi trường toàn cầu hóa.

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng so sánh của báo cáo tài chính

Khả năng so sánh báo cáo tài chính chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhóm nhân tố khác nhau, phản ánh từ cấp độ doanh nghiệp đến môi trường vĩ mô và thể chế. Trong đó, đặc điểm quản trị doanh nghiệp đóng vai trò then chốt. Các nghiên cứu cho thấy sự hiện diện của các đặc điểm lãnh đạo như giới tính (Farshadfar và cộng sự, 2025; Yan và cộng sự, 2023), vai trò kiêm nhiệm (Li và cộng sự, 2023), quyền lực CEO (Luong và cộng sự, 2025) hoặc đặc điểm cá nhân như khả năng, xu hướng tự tin thái quá hay hành vi bất chước (Almaleki và cộng sự, 2021; De Franco và cộng sự, 2023; Zhang và cộng sự, 2024a) có thể tác động đến mức độ minh bạch và nhất quán trong việc trình bày thông tin kế toán.

Ngoài yếu tố lãnh đạo, cơ cấu hội đồng quản trị cũng ảnh hưởng đến FSC. Sự tham gia của giám đốc độc lập, đa dạng giới tính trong hội đồng (Liang và cộng sự, 2022; Ning và cộng sự, 2022) hay vai trò của ban kiểm toán (Endrawes và cộng sự, 2020) đều cho thấy ảnh hưởng tích cực đến khả năng so sánh nhờ thúc đẩy việc tuân thủ chuẩn mực và giám sát chất lượng thông tin tài chính.

Yếu tố chiến lược tài chính và hành vi doanh nghiệp cũng được ghi nhận. Các quyết định về công bố thông tin, báo cáo bền vững, hay phức tạp trong định giá công bằng có thể làm tăng hoặc giảm mức độ FSC (Ahn, 2022; Cheng, 2021; Choi & Lee, 2024). Các hành vi như giao dịch với bên liên quan, hay quản trị lợi nhuận thông qua chính sách ghi nhận doanh thu cũng được đề cập là yếu tố gây sai lệch khả năng so sánh (Bordeman, 2023; Lee và cộng sự, 2016). Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp (CSR) và mức độ công bố thông tin tự nguyện ngày càng

được chú ý. Các công bố CSR chất lượng và đúng thời điểm giúp giảm thiểu thông tin bất cân xứng và tăng khả năng so sánh (Ho và cộng sự, 2024; Thuy và cộng sự, 2021; Wang và cộng sự, 2020). Các yếu tố môi trường và quản trị (ESG) cũng có tác động tương tự (Choi & Lee, 2024; Pahlavan và cộng sự, 2023).

Bên cạnh đó, các yếu tố thị trường và thể chế cũng đóng vai trò đáng kể. Áp lực cạnh tranh trên thị trường sản phẩm, tính phức tạp của ngành nghề, và sự ổn định của thị trường tài chính đều có mối liên hệ với FSC (Ho và cộng sự, 2023; Kim & Kim, 2024; Majeed và cộng sự, 2018). Ở cấp độ vĩ mô, các yếu tố như chính sách tiền tệ, vai trò của cổ đông tổ chức, hay tính đại diện của chính sách công cũng ảnh hưởng đến sự thống nhất trong việc ghi nhận và trình bày thông tin tài chính (Dhole và cộng sự, 2021; Ding & Yang, 2020; Peng và cộng sự, 2023). Mặt khác, một số nghiên cứu gần đây còn mở rộng phân tích đến các yếu tố mới như chuyển đổi số (Yang và cộng sự, 2024; Zhang và cộng sự, 2024b), sự tham gia của robot (Cui và cộng sự, 2024), hay tác động của văn hóa doanh nghiệp và nhóm lợi ích (Afzali, 2023; Biswas & Ranasinghe, 2024). Điều này cho thấy, sự phát triển của công nghệ và các nhân tố phi tài chính ngày càng được quan tâm trong nghiên cứu về FSC.

Các nghiên cứu đã chỉ ra nhiều nhân tố tác động đến FSC, từ đặc điểm lãnh đạo, cơ cấu quản trị đến yếu tố thị trường và công nghệ (Liang và cộng sự, 2022; Zhang và cộng sự, 2024b). Tuy vậy, bằng chứng vẫn chưa thực sự thống nhất. Chẳng hạn, một số nghiên cứu cho rằng sự đa dạng giới tính trong HĐQT hoặc sự hiện diện của nữ lãnh đạo giúp cải thiện FSC (Ning và cộng sự, 2022; Yan và cộng sự, 2023), nhưng mức độ tác động này có thể khác nhau tùy theo đặc thù doanh nghiệp và bối cảnh quốc gia. Tương tự, các nghiên cứu về vai trò của ESG hoặc CSR cũng đưa ra kết quả khác nhau, phản ánh sự phụ thuộc vào môi trường thể chế (Wang và cộng sự, 2020; Ho và cộng sự, 2024). Điều này cho thấy, tác động của các yếu tố nội tại và bên ngoài doanh nghiệp đến FSC mang

tính phức hợp, cần được phân tích sâu hơn với dữ liệu đa quốc gia và các phương pháp nghiên cứu hỗn hợp để rút ra kết luận chắc chắn hơn.

Từ kết quả tổng quan có thể thấy rằng, khả năng so sánh của báo cáo tài chính chịu ảnh hưởng từ nhiều nhóm nhân tố đa dạng, bao gồm đặc điểm của nhà quản lý (như giới tính, tuổi, quyền lực và năng lực), đặc điểm của doanh nghiệp (vòng đời, quy mô, cơ cấu sở hữu, tính phức tạp của thông tin kế toán), và các yếu tố bên ngoài như môi trường thể chế, chính sách công bố thông tin hay sự phát triển của CSR, ESG. Các yếu tố này không chỉ tác động riêng lẻ mà còn có thể tương tác lẫn nhau, tạo ra ảnh hưởng phức hợp đến mức độ so sánh giữa các báo cáo tài chính.

Tác động của khả năng so sánh của BCTC đối với doanh nghiệp và thị trường

Nhiều nghiên cứu gần đây đã làm sáng tỏ vai trò quan trọng của khả năng so sánh báo cáo tài chính trong việc nâng cao hiệu quả vận hành của thị trường tài chính và cải thiện hành vi ra quyết định của các bên liên quan. FSC cải thiện hiệu quả ra quyết định của nhà đầu tư và phân tích tài chính, giúp giảm thiểu bất cân xứng thông tin và tăng cường minh bạch tài chính (Kim và cộng sự, 2020; Kim & Lim, 2017). Điều này thúc đẩy chất lượng thị trường vốn thông qua việc tăng khối lượng giao dịch, giảm chi phí vốn và nâng cao độ chính xác trong định giá (Chen và cộng sự, 2018; De Franco và cộng sự, 2011; Kim và cộng sự, 2018). Các nghiên cứu tại thị trường Trung Quốc và các nền kinh tế mới nổi khác cũng cung cấp bằng chứng cho thấy, FSC có thể làm giảm sai lệch trong đầu tư, cải thiện hiệu quả sử dụng nguồn lực, đồng thời tăng khả năng giám sát từ bên ngoài (Jiu và cộng sự, 2023; Lin và cộng sự, 2024).

Bên cạnh đó, khả năng so sánh BCTC còn góp phần làm giảm chi phí sử dụng vốn nhờ nâng cao tính minh bạch và giảm rủi ro thông tin (Imhof và cộng sự, 2022; Kim và cộng sự, 2013). Cụ thể, FSC giúp giảm chi phí nợ và rủi ro vỡ nợ, đặc biệt trong các bối cảnh mà quyền sở hữu nhà nước hoặc môi trường

thông tin yếu làm gia tăng chi phí tài chính (Majeed & Yan, 2021; Wang và cộng sự, 2024). Một số nghiên cứu chỉ ra rằng, FSC góp phần giảm chi phí vốn cổ phần và tăng tính hiệu quả trong định giá doanh nghiệp (Cao và cộng sự, 2022; Imhof và cộng sự, 2022). Hay FSC được ghi nhận có ảnh hưởng tích cực đến các quyết định chiến lược doanh nghiệp như sáp nhập, mua bán, phân bổ nguồn lực và đầu tư đổi mới (Aier và cộng sự, 2024; Chircop và cộng sự, 2020). Nhiều nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của FSC trong việc thúc đẩy tính hiệu quả trong quản trị dòng tiền và chính sách nắm giữ tiền mặt, nhờ vào việc nâng cao độ tin cậy của thông tin kế toán (Habib và cộng sự, 2017; Mehrabanpour và cộng sự, 2020).

Từ góc độ quản trị công ty, FSC đóng vai trò như một cơ chế kỷ luật thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả giám sát và giảm thiểu hành vi lựa chọn cơ hội trong báo cáo tài chính (Cheng & Wu, 2018; Nam & Thompson, 2023). Đồng thời, FSC được ghi nhận là có mối liên hệ với việc sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực nội bộ, cải thiện năng suất và mở rộng mạng lưới khách hàng (Chircop và cộng sự, 2024; Kim và cộng sự, 2021). Một số nghiên cứu cũng phát hiện rằng FSC còn có thể giảm thiểu rủi ro phá sản, rủi ro tín dụng và rủi ro sụp đổ giá cổ phiếu (Kim và cộng sự, 2016; Wang và cộng sự, 2024; Yang và cộng sự, 2023), làm tăng độ tin cậy của thông tin giá cả trên thị trường (Choi và cộng sự, 2019), và cải thiện khả năng phản ánh giá trị thông tin trong giá cổ phiếu (Blanco và cộng sự, 2023; Liu và cộng sự, 2024).

Không dừng lại ở các chỉ tiêu tài chính truyền thống, FSC còn được tìm thấy có tác động đến các yếu tố phi tài chính như hành vi ESG (Chircop và cộng sự, 2023; Soetanto & Agustia, 2024), quyết định tuyển dụng (Zhang và cộng sự, 2020), lựa chọn hình thức liên doanh hay mua lại (Yi và cộng sự, 2021), hay mức độ bảo thủ kế toán (Salehi và cộng sự, 2025). Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, một số nghiên cứu cũng cảnh báo về các hậu quả không mong muốn của FSC,

chẳng hạn như khuyến khích các hành vi học hỏi không phù hợp từ đối thủ (Shen và cộng sự, 2022) hoặc làm suy giảm giá trị thông tin trong một số điều kiện thị trường nhất định (Liu và cộng sự, 2024).

Phần lớn các nghiên cứu khẳng định FSC mang lại lợi ích rõ rệt như giảm chi phí vốn, nâng cao hiệu quả đầu tư và cải thiện tính minh bạch thị trường (Chen và cộng sự, 2018; De Franco và cộng sự, 2011; Kim và cộng sự, 2013). Tuy nhiên, một số nghiên cứu lại cảnh báo những hệ quả không mong muốn, chẳng hạn như khuyến khích hành vi học hỏi tiêu cực từ đối thủ (Shen và cộng sự, 2022) hoặc làm suy giảm giá trị thông tin trong một số điều kiện nhất định (Liu và cộng sự, 2024). Sự khác biệt này cho thấy, tác động của FSC không phải lúc nào cũng thuần túy tích cực, mà phụ thuộc vào điều kiện thị trường, cấu trúc sở hữu và yếu tố vĩ mô. Do đó, cần có thêm nghiên cứu nhằm làm rõ các cơ chế trung gian hoặc điều tiết để lý giải khi nào FSC tạo ra giá trị và khi nào có thể dẫn đến hệ quả trái chiều.

Tổng hợp các bằng chứng thực nghiệm cho thấy, FSC đóng vai trò trung tâm trong việc cải thiện môi trường thông tin tài chính, tác động tích cực đến nhiều khía cạnh vận hành doanh nghiệp và thị trường. Tuy nhiên, mức độ và hướng ảnh hưởng của FSC phụ thuộc đáng kể vào bối cảnh thể chế, đặc điểm thị trường, ngành nghề và các yếu tố nội tại của doanh nghiệp.

3. Khoảng trống và hướng nghiên cứu tương lai

Mặc dù các nghiên cứu trước đã cung cấp nhiều bằng chứng thực nghiệm về các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng so sánh của báo cáo tài chính cũng như vai trò của FSC trong việc cải thiện hiệu quả tài chính và phi tài chính, song vẫn còn tồn tại nhiều khoảng trống quan trọng cần được tiếp tục khám phá. *Thứ nhất*, phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào các thị trường phát triển hoặc đang phát triển lớn như Trung Quốc, Hàn Quốc, Mỹ và châu Âu (Chen và cộng sự, 2018; Kim và cộng sự,

2021; Imhof và cộng sự, 2022), trong khi các thị trường mới nổi nhỏ hơn hoặc các nền kinh tế đang chuyển đổi lại ít được khảo sát. Điều này hạn chế khả năng khái quát hóa kết quả nghiên cứu và đặt ra nhu cầu mở rộng phạm vi phân tích sang các khu vực có đặc điểm thể chế, pháp lý và hệ thống kế toán khác biệt.

Thứ hai, mối quan hệ giữa FSC và các yếu tố như kiểm toán, quản trị công ty, và chất lượng thông tin tài chính tuy đã được nghiên cứu, nhưng hầu hết vẫn dừng lại ở mức phát hiện quan hệ tuyến tính cơ bản. Các cơ chế trung gian hoặc điều tiết – chẳng hạn như vai trò của chất lượng kiểm toán, cấu trúc sở hữu hay mức độ minh bạch thể chế – vẫn chưa được khám phá một cách đầy đủ (Cheng & Wu, 2018; Sun và cộng sự, 2022). Ngoài ra, ảnh hưởng của FSC đến các quyết định chiến lược dài hạn của doanh nghiệp, như đổi mới sáng tạo, chiến lược ESG, hay quản trị rủi ro cũng là hướng nghiên cứu còn tương đối mới mẻ và cần được làm rõ hơn trong tương lai (Chircop và cộng sự, 2023; Soetanto & Agustia, 2024).

Thứ ba, xét về phương pháp, các nghiên cứu hiện tại chủ yếu sử dụng dữ liệu định lượng với phương pháp hồi quy truyền thống, trong khi các tiếp cận định tính, nghiên cứu tình huống, hoặc phương pháp hỗn hợp vẫn còn khá hiếm gặp. Việc mở rộng phương pháp luận có thể giúp hiểu sâu hơn về bối cảnh, động lực và hệ quả cụ thể của khả năng so sánh trong từng tình huống thực tiễn. Cuối cùng, các nghiên cứu liên ngành kết hợp kế toán với các lĩnh vực như hành vi tổ chức, tài chính hành vi, hoặc công nghệ kế toán hiện vẫn còn rất hạn chế.

Những khoảng trống này không chỉ đặt ra cơ hội nghiên cứu tiềm năng cho các học giả

tương lai, mà còn có thể mang lại những đóng góp thực tiễn đáng kể trong việc thiết kế chính sách kế toán, kiểm toán và quản trị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng thông tin tài chính trên phạm vi toàn cầu.

4. Kết luận

Khả năng so sánh của báo cáo tài chính là một đặc tính nền tảng giúp nâng cao tính hữu ích của thông tin kế toán, từ đó thúc đẩy tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động kinh tế. Khả năng so sánh của báo cáo tài chính đã và đang trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm mạnh mẽ trong lĩnh vực kế toán tài chính. Tổng quan hệ thống các nghiên cứu cho thấy, FSC bị chi phối bởi những yếu tố như chuẩn mực kế toán (đặc biệt là việc áp dụng IFRS), chất lượng kiểm toán, đặc điểm doanh nghiệp, cũng như các yếu tố thuộc về quản trị và công nghệ. Đồng thời, FSC cũng cho thấy vai trò ngày càng rõ nét trong việc nâng cao chất lượng thông tin kế toán, giảm chi phí kiểm toán, gia tăng hiệu quả đầu tư, thúc đẩy hành vi minh bạch và cải thiện kết quả hoạt động tài chính.

Tuy nhiên, các nghiên cứu vẫn còn thiên lệch về vùng địa lý và phương pháp nghiên cứu, chưa làm sáng tỏ đầy đủ các cơ chế tác động phức hợp và chưa mở rộng sang các lĩnh vực như đổi mới doanh nghiệp, ESG, hay công nghệ số. Do đó, những khoảng trống này mở ra nhiều hướng nghiên cứu tiềm năng trong tương lai, không chỉ nhằm đóng góp cho lý thuyết kế toán và tài chính, mà còn mang ý nghĩa thực tiễn trong việc hỗ trợ hoạch định chính sách và nâng cao chất lượng báo cáo tài chính trên phạm vi toàn cầu.

Tài liệu tham khảo

- Afzali, M. (2023). Corporate culture and financial statement comparability. *Advances in Accounting*, 60. <https://doi.org/10.1016/j.adiaac.2022.100640>
- Ahn, H. (2022). Fair value complexity and financial statement comparability. *Asia-Pacific Journal of Accounting and Economics*, 29(5), 1247–1266. <https://doi.org/10.1080/16081625.2021.1947861>
- Aier, J. K., Jo, E. H., Lee, J. W., & Visvanathan, G. (2024). Financial statement comparability and goodwill impairments: evidence from South Korea. *International Journal of Banking, Accounting and Finance*, 14(1), 113–150. <https://doi.org/10.1504/IJBAAF.2024.137119>

- Almaleki, M., Salehi, M., & Moradi, M. (2021). The relationship between narcissism, managerial overconfidence and comparability of financial statements of listed companies. *Journal of Facilities Management*, 19(5), 681–700. <https://doi.org/10.1108/JFM-01-2021-0002>
- Barth, M. E., Landsman, W. R., Lang, M., & Williams, C. (2012). Are IFRS-based and US GAAP-based accounting amounts comparable? *Journal of Accounting & Economics*, 54(1), 68–93. <https://doi.org/10.1016/j.jacceco.2012.03.001>
- Biswas, P., & Ranasinghe, D. (2024). Organization capital and financial statement comparability. *Journal of Corporate Accounting and Finance*, 36(1), 24–38. <https://doi.org/10.1002/jcaf.22736>
- Blanco, B., Dhole, S., & Gul, F. A. (2023). Financial statement comparability and accounting fraud. *Journal of Business Finance & Accounting*, 50(7–8), 1166–1205. <https://doi.org/10.1111/jbfa.12652>
- Bordeman, A. (2023). Discretion in revenue recognition timing and comparability: Evidence from the implementation of SOP 97-2. *Journal of Accounting and Public Policy*, 42(2). <https://doi.org/10.1016/j.jaccpubpol.2022.107017>
- Borges, A. F. S., Laurindo, F. J. B., Spínola, M. M., Gonçalves, R. F., & Mattos, C. A. (2021). The strategic use of artificial intelligence in the digital era: Systematic literature review and future research directions. *International Journal of Information Management*, 57. <https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2020.102225>
- Brochet, F., Jagolinzer, A. D., & Riedl, E. J. (2013). Mandatory IFRS adoption and financial statement comparability. *Contemporary Accounting Research*, 30(4), 1373–1400. <https://doi.org/10.1111/1911-3846.12002>
- Caban-Garcia, M. T., & He, H. (2013). Comparability of earnings in scandinavian countries: The impact of mandatory IFRS adoption and stock exchange consolidations. *Journal of International Accounting Research*, 12(1), 55–76. <https://doi.org/10.2308/jiar-50383>
- Cao, Q., Hu, N., & Chen, L. (2016). Auditor flow and financial statement comparability: Evidence from audit firm mergers in China. *China Journal of Accounting Studies*, 4(3), 263–286. <https://doi.org/10.1080/21697213.2016.1222151>
- Cao, S., Wang, J., & Zhou, J. (2022). Pricing like things alike: The role of financial statement comparability in bond pricing. *International Review of Economics and Finance*, 79, 428–447. <https://doi.org/10.1016/j.iref.2022.02.059>
- Cascino, S., & Gassen, J. (2015). What drives the comparability effect of mandatory IFRS adoption? *Review of Accounting Studies*, 20, 242–282. <https://doi.org/10.1007/s11142-014-9296-5>
- Chen, C.-W., Collins, D. W., Kravet, T. D., & Mergenthaler, R. D. (2018). Financial statement comparability and the efficiency of acquisition decisions. *Contemporary Accounting Research*, 35(1), 164–202. <https://doi.org/10.1111/1911-3846.12380>
- Cheng, J.-C., & Wu, R.-S. (2018). Internal capital market efficiency and the diversification discount: The role of financial statement comparability. *Journal of Business Finance and Accounting*, 45(5–6), 572–603. <https://doi.org/10.1111/jbfa.12307>
- Cheng, M. (2021). Product differentiation and financial statement comparability. *The Journal of Corporate Accounting and Finance*, 32(3), 44–60. <https://doi.org/10.1002/jcaf.22498>
- Chi, W., Koh, K., Liu, Y., & Long, X. (2024). Do auditors change their individual style? Examining the effects of client importance and competition on auditors' influence on earnings comparability in China. *International Journal of Auditing*, 28(1), 185–205. <https://doi.org/10.1111/ijau.12325>
- Chircop, J., Collins, D. W., Hass, L. H., & Nguyen, N. Q. (2020). Accounting comparability and corporate innovative efficiency. *Accounting Review*, 95(4), 127–151. <https://doi.org/10.2308/ACCR-52609>
- Chircop, J., Nguyen, N. Q., & Nguyen, T. T. (2024). Accounting comparability and customer concentration. *Journal of Accounting and Public Policy*, 48. <https://doi.org/10.1016/j.jaccpubpol.2024.107244>
- Chircop, J., Tarsalewska, M., & Trzeciakiewicz, A. (2023). Learning to be green: Accounting comparability and environmental violations. *British Accounting Review*, 57(5). <https://doi.org/10.1016/j.bar.2023.101240>
- Choi, J.-H., Choi, S., Myers, L. A., & Ziebart, D. (2019). Financial Statement Comparability and the Informativeness of Stock Prices About Future Earnings. *Contemporary Accounting Research*, 36(1), 389–417. <https://doi.org/10.1111/1911-3846.12442>
- Choi, S. U., & Lee, W. J. (2024). Financial statement comparability and environmental, social, and governance (ESG) performance. *Sustainability*, 16(18). <https://doi.org/10.3390/su16187993>

- Chung, H., & Park, S. O. (2017). Voluntary adoption of the IFRS and industry-level comparability: Evidence from Korean unlisted firms. *Emerging Markets Finance and Trade*, 53(7), 1654–1666. <https://doi.org/10.1080/1540496X.2016.1247688>
- Cui, H., Liang, S., & Xu, C. (2024). Robots and accounting comparability: Evidence from Chinese manufacturing. *Accounting & Finance*, 64(5), 4859–4882. <https://doi.org/10.1111/acfi.13363>
- De Franco, G., Hou, Y., & Ma, M. (2023). Do firms mimic industry leaders' accounting? Evidence from financial statement comparability. *The Accounting Review*, 98(6), 125–148. <https://doi.org/10.2308/TAR-2019-0405>
- De Franco, G., Kothari, S. P., & Verdi, R. S. (2011). The benefits of financial statement comparability. *Journal of Accounting Research*, 49(4), 895–931. <https://doi.org/10.1111/j.1475-679X.2011.00415.x>
- De Luca, F., Prather-Kinsey, J., Erdogan, S., & Phan, H.-T.-P. (2024). Cross-border listed firms' IFRS-based financial reports: Are they comparable? *Journal of Accounting and Public Policy*, 45. <https://doi.org/10.1016/j.jaccpubpol.2024.107207>
- DeFond, M., Hu, X., Hung, M., & Li, S. (2011). The impact of mandatory IFRS adoption on foreign mutual fund ownership: The role of comparability. *Journal of Accounting and Economics*, 51(3), 240–258. <https://doi.org/10.1016/j.jacceco.2011.02.001>
- Dhole, S., Liu, L., Lobo, G. J., & Mishra, S. (2021). Economic policy uncertainty and financial statement comparability. *Journal of Accounting and Public Policy*, 40(1). <https://doi.org/10.1016/j.jaccpubpol.2020.106800>
- Ding, N., Ullah, I., & Jebran, K. (2022). Foreign experienced CEOs' and financial statement comparability. *Emerging Markets Finance and Trade*, 58(13), 3751–3769. <https://doi.org/10.1080/1540496X.2022.2073814>
- Ding, X., & Yang, Z. (2020). Monetary policy tightening, accounting information comparability and bank borrowing. *China Journal of Accounting Studies*, 8(1), 1–34. <https://doi.org/10.1080/21697213.2020.1764200>
- Ege, M., Kim, Y. H., & Wang, D. C. (2021). Do PCAOB inspections of foreign auditors affect global financial reporting comparability? *Contemporary Accounting Research*, 38(4), 2659–2690. <https://doi.org/10.1111/1911-3846.12701>
- Endrawes, M., Feng, Z., Lu, M., & Shan, Y. (2020). Audit committee characteristics and financial statement comparability. *Accounting and Finance*, 60(3), 2361–2395. <https://doi.org/10.1111/acfi.12354>
- Farshadfar, S., Samarbakhsh, L., & Jahan, I. (2025). Executive age, executive gender and financial statement comparability. *Advances in Accounting*, 68. <https://doi.org/10.1016/j.adiac.2024.100805>
- Felski, E. (2017). How does local adoption of IFRS for those countries that modified IFRS by design, impair comparability with countries that have not adapted IFRS? *Journal of International Accounting Research*, 16(3), 59–90. <https://doi.org/10.2308/jiar-51807>
- Francis, J. R., Pinnuck, M. L., & Watanabe, O. (2014). Auditor style and financial statement comparability. *The Accounting Review*, 89(2), 605–633. <https://doi.org/10.2308/accr-50642>
- Habib, A., Monzur Hasan, M., & Al-Hadi, A. (2017). Financial statement comparability and corporate cash holdings. *Journal of Contemporary Accounting and Economics*, 13(3), 304–321. <https://doi.org/10.1016/j.jcae.2017.10.001>
- Haller, A., & Schloßgangl, M. (2005). Shortcomings of performance reporting under IAS/IFRS: A conceptual and empirical study. *International Journal of Accounting, Auditing and Performance Evaluation*, 2(3), 281–299. <https://doi.org/10.1504/IJAAP.2005.007676>
- Ho, K.-C., Sun, R. J., Yang, L., & Li, H.-M. (2023). Information disclosure as a means of minimizing asymmetric financial reporting: The role of market reaction. *Economic Analysis and Policy*, 78, 1221–1240. <https://doi.org/10.1016/j.eap.2023.04.022>
- Ho, K.-C., Xu, X., Shen, X. X., & Yu, J. X. (2024). Does better CSR disclosure minimise the problem of asymmetric financial reporting? The role of market supervision. *Spanish Journal of Finance and Accounting-Revista Espanola De Financiacion Y Contabilidad*, 53(1), 99–122. <https://doi.org/10.1080/02102412.2023.2235225>
- Hong, H. A., Ryou, J. W., & Srivastava, A. (2023). Financial statement comparability and corporate tax strategy. *European Accounting Review*, 32(1), 85–112. <https://doi.org/10.1080/09638180.2021.1926301>

- Horton, J., Serafeim, G., & Serafeim, I. (2013). Does mandatory IFRS adoption improve the information environment? *Contemporary Accounting Research*, 30(1), 388–423. <https://doi.org/10.1111/j.1911-3846.2012.01159.x>
- Imhof, M. J., Seavey, S. E., & Watanabe, O. V. (2022). Competition, proprietary costs of financial reporting, and financial statement comparability. *Journal of Accounting, Auditing and Finance*, 37(1), 114–142. <https://doi.org/10.1177/0148558X18814599>
- Jiu, L., Hu, S., & Liu, Y. (2023). Does financial statement comparability mitigate corporate frauds in an emerging market? Evidence from China. *Asia-Pacific Journal of Accounting and Economics*, 30(2), 391–408. <https://doi.org/10.1080/16081625.2021.1976229>
- Jiu, L., Liu, B., & Liu, Y. (2020). How a shared auditor affects firm-pair comparability: Implications of both firm and individual audit styles. *Auditing: A Journal of Practice & Theory*, 39(3), 133–160. <https://doi.org/10.2308/AJPT-17-008>
- Jung, D. J., Hur, J. A., & Jung, A. R. (2020). The precondition of benefits from IFRS adoption: Financial statement comparability. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 7(12), 255–265. <https://doi.org/10.13106/JAFEB.2020.VOL7.NO12.255>
- Kang, M., Kim, J. W., Lee, H.-Y., & Lee, M.-G. (2015). Financial statement comparability and audit efficiency: Evidence from South Korea. *Applied Economics*, 47(4), 358–373. <https://doi.org/10.1080/00036846.2014.972543>
- Kang, T. (2012). Discussion of the cross-country comparability of IFRS earnings and book values: Evidence from France and Germany. *Journal of International Accounting Research*, 11(1), 185–190. <https://doi.org/10.2308/jiar-10225>
- Kim, J.-B., Li, L., Lu, L. Y., & Yu, Y. (2016). Financial statement comparability and expected crash risk. *Journal of Accounting and Economics*, 61(2–3), 294–312. <https://doi.org/10.1016/j.jacceco.2015.12.003>
- Kim, J.-B., Li, L., Lu, L. Y., & Yu, Y. (2021). Financial statement comparability and managers' use of corporate resources. *Accounting & Finance*, 61(S1), 1697–1742. <https://doi.org/10.1111/acfi.12642>
- Kim, J., Kim, R., & Kim, S. (2020). Does financial statement comparability mitigate delayed trading volume before earnings announcements? *Journal of Business Research*, 107, 62–75. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2019.09.031>
- Kim, R., Kim, S., & Musa, P. M. (2018). When does comparability better enhance relevance? Policy implications from empirical evidence. *Journal of Accounting and Public Policy*, 37(5), 436–457. <https://doi.org/10.1016/j.jaccpubpol.2018.09.006>
- Kim, S., Kraft, P., & Ryan, S. G. (2013). Financial statement comparability and credit risk. *Review of Accounting Studies*, 18(3), 783–823. <https://doi.org/10.1007/s11142-013-9233-z>
- Kim, S., & Lim, S. C. (2017). Earnings comparability and informed trading. *Finance Research Letters*, 20, 130–136. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2016.09.013>
- Kim, T. S., & Kim, Y.-S. (2024). The effect of financial statement comparability on the gaps between credit ratings and bond implied ratings: Focusing on the moderating effect of Korean business groups. *International Review of Financial Analysis*, 96. <https://doi.org/10.1016/j.irfa.2024.103638>
- Kim, Y.-S. (2023). The association between voluntary carbon disclosure and accounting comparability: Examining the moderating effect of Korean business groups. *Sustainability*, 15(6). <https://doi.org/10.3390/su15064830>
- Kim, Y.-S., & Park, S.-H. (2024). The effects of accounting comparability, income smoothing and engagement partners on audit risk. *International Journal of Auditing*, 28(2), 270–287. <https://doi.org/10.1111/ijau.12330>
- Lee, M.-G., Kang, M., Lee, H.-Y., & Park, J. C. (2016). Related-party transactions and financial statement comparability: Evidence from South Korea. *Asia-Pacific Journal of Accounting and Economics*, 23(2), 224–252. <https://doi.org/10.1080/16081625.2014.957706>
- Li, C., Wang, X., & Huang, Y. (2023). Corrigendum to “Does the CFO serving as the secretary of the board affect the financial statement comparability? Evidence from China” [Heliyon 9(3) (February 2023) e13609]. *Heliyon*, 9(7). <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e16859>
- Liang, S. K., Fu, R., & Yang, X. (2022). Concurrent independent directors in the same industry and accounting information comparability. *China Journal of Accounting Research*, 15(4). <https://doi.org/10.1016/j.cjar.2022.100268>

- Lin, Z., Wang, J., Huang, C., Chen, L., & Li, P. (2024). Does accounting comparability matter to the efficiency of a firm's investment? Evidence from China's a-share market. *The Singapore Economic Review*, 69(06), 1977–1994. <https://doi.org/10.1142/S021759082240001X>
- Liu, D., Wang, Y., & Li, M. (2024). Comparable but is it informative? Accounting information comparability and price synchronicity. *Journal of Financial Stability*, 73. <https://doi.org/10.1016/j.jfs.2024.101297>
- Luong, H., Gunasekarage, A., & Biswas, P. K. (2025). CEO power and financial statement comparability. *International Journal of Managerial Finance*, 21(3), 693–731. <https://doi.org/10.1108/IJMF-01-2024-0045>
- Majeed, M. A., & Yan, C. (2021). Financial statement comparability, state ownership, and the cost of debt: Evidence from China. *Research in International Business and Finance*, 58. <https://doi.org/10.1016/j.ribaf.2021.101497>
- Majeed, M. A., & Yan, C. (2022). Financial statement comparability and stock liquidity: Evidence from China. *Applied Economics*, 54(47), 5497–5514. <https://doi.org/10.1080/00036846.2022.2047597>
- Majeed, M. A., Yan, C., & Tauni, M. Z. (2018). How does competition shape managerial decisions? Product market competition and financial statement comparability. *Management Decision*, 56(11), 2437–2471. <https://doi.org/10.1108/MD-04-2017-0319>
- Mehrabanpour, M., Faraji, O., Sajadpour, R., & Alipour, M. (2020). Financial statement comparability and cash holdings: The mediating role of disclosure quality and financing constraints. *Journal of Financial Reporting and Accounting*, 18(3), 615–637. <https://doi.org/10.1108/JFRA-12-2019-0167>
- Mita, A. F., Utama, S., Fitriany, F., & Wulandari, E. R. (2018). The adoption of IFRS, comparability of financial statements and foreign investors' ownership. *Asian Review of Accounting*, 26(3), 391–411. <https://doi.org/10.1108/ARA-04-2017-0064>
- Nam, J. S., & Thompson, R. A. (2023). Does financial statement comparability facilitate SEC oversight? *Contemporary Accounting Research*, 40(2), 1315–1349. <https://doi.org/10.1111/1911-3846.12835>
- Neel, M. (2017). Accounting comparability and economic outcomes of mandatory ifrs adoption. *Contemporary Accounting Research*, 34(1), 658–690. <https://doi.org/10.1111/1911-3846.12229>
- Ning, D., Irfan-Ullah, Majeed, M. A., & Zeb, A. (2022). Board diversity and financial statement comparability: Evidence from China. *Eurasian Business Review*, 12(4), 743–801. <https://doi.org/10.1007/s40821-022-00214-3>
- Page, M. J., McKenzie, J. E., Bossuyt, P. M., Boutron, I., Hoffmann, T. C., Mulrow, C. D., Shamseer, L., Tetzlaff, J. M., Akl, E. A., Brennan, S. E., Chou, R., Glanville, J., Grimshaw, J. M., Hróbjartsson, A., Lalu, M. M., Li, T., Loder, E. W., Mayo-Wilson, E., McDonald, S.,... Moher, D. (2021). The PRISMA 2020 statement: An updated guideline for reporting systematic reviews. *The BMJ*, 372. <https://doi.org/10.1136/bmj.n71>
- Pahlavan, M., Anvary Rostamy, A. A., & Darabi, R. (2023). Impacts of environmental sustainable performance reporting on the stock price crash risk and stock liquidity: The mediating role of predictability and comparability. *Journal of Corporate Accounting & Finance*, 34(3), 144–157. <https://doi.org/10.1002/jcaf.22618>
- Park, J. H. (2019). The effect of multiple directorships on investment efficiency. *Global Business and Finance Review*, 24(2), 43–57. <https://doi.org/10.17549/gbfr.2019.24.2.43>
- Peng, Q., Yin, S., & Zhang, R.-Z. (2023). Common Institutional Blockholders and Reporting Practices: Evidence from Accounting Comparability. *Accounting Horizons*, 37(2), 133–159. <https://doi.org/10.2308/HORIZONS-2021-042>
- Ross, J., Shi, L., & Xie, H. (2020). The determinants of accounting comparability around the world. *Asian Review of Accounting*, 28(1), 69–88. <https://doi.org/10.1108/ARA-04-2019-0087>
- Salehi, M., Ghasemi Sarnish, T., & Rababah, A. (2025). The relationship between financial statement comparability and accounting conditional and unconditional conservatism. *Asian Journal of Accounting Research*, 10(3), 222–241. <https://doi.org/10.1108/AJAR-04-2024-0155>
- Shen, J., Xie, L., & Xie, Z. (2022). The unintended consequence of financial statement comparability: Evidence from managerial learning practices. *Accounting and Finance*, 62(3), 3073–3106. <https://doi.org/10.1111/acfi.12882>
- Shi, H., Wen, W., Zhou, G., & Zhu, X. (2021). Do individual auditors have their own styles? Evidence from clients' financial statement comparability in China. *Accounting Horizons*, 35(3), 187–215. <https://doi.org/10.2308/HORIZONS-18-002>

- Smith, C. (2022). The role of audit styles in financial statement comparability: South African evidence. *International Journal of Auditing*, 26(4), 572–589. <https://doi.org/10.1111/ijau.12296>
- Soetanto, T. V., & Agustia, D. (2024). Financial statement comparability and cash holding: moderated by ESG performance in Indonesia. *Asian Review of Accounting*, 33(3), 441–463. <https://doi.org/10.1108/ARA-12-2023-0354>
- Sun, J., Li, L., & Qi, B. (2022). Financial statement comparability and audit pricing. *Accounting & Finance*, 62(5), 4631–4661. <https://doi.org/10.1111/acfi.12970>
- Thuy, C. T. M., Khuong, N. V., Canh, N. T., & Liem, N. T. (2021). Corporate social responsibility disclosure and financial performance: the mediating role of financial statement comparability. *Sustainability*, 13(18). <https://doi.org/10.3390/su131810077>
- Wang, F., Zhang, Z., Ho, L. C. J., & Usman, M. (2023). CFO gender and financial statement comparability. *Pacific Basin Finance Journal*, 80. <https://doi.org/10.1016/j.pacfin.2023.102100>
- Wang, F., Zhang, Z., & Xu, L. (2020). Corporate social responsibility and financial statement comparability: Evidence from China. *Corporate Social Responsibility and Environmental Management*, 27(3), 1375–1394. <https://doi.org/10.1002/csr.1890>
- Wang, Y., Feng, Y., Zhu, Z., Liu, J., & Li, Y. (2024). Financial statement comparability and expected default risk. *International Review of Financial Analysis*, 95. <https://doi.org/10.1016/j.irfa.2024.103302>
- Yan, Z., Zhang, X., & Liu, S. (2023). The effects of female executives on financial statement comparability. *Managerial and Decision Economics*, 44(6), 3500–3517. <https://doi.org/10.1002/mde.3892>
- Yang, J., Ying, L. M., & Xu, X. F. (2024). Digital transformation and accounting information comparability. *Finance Research Letters*, 61. <https://doi.org/10.1016/j.frl.2024.104993>
- Yang, K., Huo, X., Sun, Z., Li, P., Sindakis, S., & Showkat, S. (2023). Investigating the role of accounting information comparability in mitigating stock price crash risk: Evidence from China's knowledge-based economy. *Journal of the Knowledge Economy*, 15(3), 10022–10056. <https://doi.org/10.1007/s13132-023-01475-7>
- Ye, F., Xue, S., & Yang, C. (2016). Does financial reporting comparability improve after accounting firm mergers? Evidence from Chinese listed companies. *China Journal of Accounting Studies*, 4(4), 475–493. <https://doi.org/10.1080/21697213.2016.1265195>
- Yi, H., Kim, S., & Han, S. (2021). Choice between acquisition and joint venture based on financial statement comparability. *Sustainability*, 13(11). <https://doi.org/10.3390/su13116218>
- Zhang, J. H. (2018). Accounting comparability, audit effort, and audit outcomes. *Contemporary Accounting Research*, 35(1), 245–276. <https://doi.org/10.1111/1911-3846.12381>
- Zhang, L., Hao, B., Yang, D., & Wang, G. (2024a). Managerial ability and accounting comparability: Evidence from Chinese listed firms. *Economics & Politics*, 36(3), 1731–1762. <https://doi.org/10.1111/ecpo.12308>
- Zhang, Z., Ntim, C. G., Zhang, Q., & Elmagrhi, M. H. (2020). Does accounting comparability affect corporate employment decision-making? *The British Accounting Review*, 52(6). <https://doi.org/10.1016/j.bar.2020.100937>
- Zhang, Z., & Wang, F. (2023). Managerial short-termism and financial statement comparability. *Accounting and Finance*, 63(5), 5027–5067. <https://doi.org/10.1111/acfi.13138>
- Zhang, Z. X., Sun, C. L., Mikeska, M., & Vochozka, M. (2024b). Does the competitive advantage of digital transformation influence comparability of accounting information? *Journal of Competitiveness*, 16(1), 115–130. <https://doi.org/10.7441/joc.2024.01.07>